

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2018/HS-ST

Ngày: 28/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn Dũng

Bà: Điều Thị Hương

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2018/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Đối với bị cáo:

ĐIỀU T - Sinh năm: 1987; tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: Ấp Bù Tam, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: S'Tiêng; Tôn giáo: tin lành; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 01/12; con ông Điều Hồ, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Điều Thị Hưng, sinh năm 1946; Bị cáo có vợ tên Điều Thị Q, sinh năm: 1988; Bị cáo có 02 người con sinh năm 2015 và 2017; Bị cáo 04 (bốn) người chị lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/8/2018 đến nay. (có mặt)

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 03, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Dương Tất Phú, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị: Điều Thị Q, sinh năm: 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bà: Đỗ Thị Tám, sinh năm: 1959 (có mặt)

Thôn 03, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng:

Anh: Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 02, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước

Anh: Điều Tấn H, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TC, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước

Bà: Điều Thị B, sinh năm: 1948(có mặt)

Địa chỉ: Thôn TC, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2018 Nguyễn Văn T có HKTT: Thôn 3, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước đến nhà Điều T ở ấp Thanh Trung, thị trấn TB, huyện B để tìm Điều B. Khi đến nơi T thấy Điều T, Điều B và một số người đang hát Karaoke nên T vào ngồi cùng nói chuyện, trong lúc nói chuyện thì giữa T và Điều T xảy ra mâu thuẫn với nhau, lúc này T dùng tay, chân đánh, đá vào người T nên T bực tức bỏ về nhà lấy một con dao rựa quay lại để chém Điều T. Khi đến nhà Điều T thấy đóng cửa nên T đứng bên ngoài chửi và thách thức Điều T ra sẽ chém nhưng Điều T không mở cửa ra nên T đi đến gần cửa dùng dao chém vào cánh cửa gỗ của nhà Điều T làm hư hỏng một phần thanh gỗ cửa nhà. Thấy vậy Điều T lấy con dao cạo mủ cao su đâm qua khe hở cửa nhà 02- 03 cái thì trúng 01 cái vào vùng bụng của Trung gây thương tích cho T, T la lên bị Điều T đâm thì được mọi người đưa đến Trung tâm y tế huyện B cấp cứu, sau đó Trung được chuyển đến bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước và bệnh viện Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh để điều trị vết thương.

Sau khi vụ việc xảy ra gia đình bị hại Nguyễn Văn T đã làm đơn trình báo lên cơ quan Công an về việc anh Trung bị đối tượng Điều T đánh gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 199/2018/TgT ngày 25/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước xác định vết thương của Nguyễn Văn T có dấu hiệu qua giám định là: Vết thương thấu bụng, tổn thương đầu tụy, rách phần gan trái, rách thanh mạc tiền môn vị, đứt sụn sườn VI-VII đã phẫu thuật khâu gan khâu tụy có biến chứng dính, cắt tụy trung tâm hiện tại không biến chứng. Kết luận tỉ lệ thương tích gây nên hiện tại là 74%

Cáo trạng số 61/Ctr-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Điều T về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”. Theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều T phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”; đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Điều T từ 08 đến 09 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX tuyên theo như bản cáo trạng đã đề cập.

Người bào chữa cho bị cáo Điều T đồng ý các điều khoản và mức án như vị đại diện Viện kiểm sát công bố, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” và điểm k “ phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;” khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo Điều T bồi thường số tiền 69.600.000đồng bao gồm tiền chi phí điều trị vết thương, thu nhập của bị hại và thu nhập của người chăm sóc bị hại bị mất trong thời gian điều trị vết thương, hiện bà Điều Thị Q vợ của bị can Điều T đã bồi thường cho bị hại Trung số tiền 5.500.000đồng.

Đối với thiệt hại do hành vi của bị hại Nguyễn Văn T gây ra cho nhà của bị can Điều T, bị hại Trung đã bồi thường số tiền 100.000đồng cho gia đình Điều T

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của Bị cáo, Bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Về nội dung:

Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2018, trong lúc nói chuyện thì giữa T và Điều T xảy ra mâu thuẫn với nhau, lúc này Tá dùng tay, chân đánh, đá vào người T nên T bực tức bỏ về nhà lấy một con dao rựa quay lại để chém Điều T. Khi đến nhà Điều T thấy đóng cửa nên T đứng bên ngoài chửi và thách thức Điều T ra sẽ chém nhưng Điều T không mở cửa ra nên Trung đi đến gần cửa dùng dao chém vào cánh cửa gỗ của nhà Điều T làm hư hỏng một phần thanh gỗ cửa nhà. Thấy vậy Điều T lấy con dao cạo mũ cao su đâm qua khe hở cửa nhà 02- 03 cái thì trúng 01 cái vào vùng bụng của Trung gây thương tích cho Trung, Trung được mọi người đưa đến Trung tâm y tế huyện B cấp cứu, sau đó Trung được chuyển đến bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước và bệnh viện Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh để điều trị vết thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 199/2018/TgT ngày 25/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước kết luận tỉ lệ thương tích gây nên hiện tại là 74% (bảy mươi bốn phần trăm)

Hành vi của các bị cáo Điều T, đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”. Theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng số: 61/Ctr-VKS ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào bụng bị hại là nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng gây hoang mang cho dư luận và cho xã hội nói chung, nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý thể hiện bản chất xem thường tính mạng, sức khỏe của người

khác, xem thường pháp luật rất cao. HĐXX thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử 12 tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số 19/2009/HSST ngày 23/4/2009 về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử 04 năm tù theo bản án số 31/2010/HSST ngày 25/8/2010 về tội cướp tài sản. các bản này bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích, tuy nhiên vẫn đưa ra xét về nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp(1/12) nên nhận thức pháp luật còn bị hạn chế, bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội cũng có một phần lỗi của bị hại, do bị hại đã có những hành vi khiêu khích, chửi bới, phá hoại tài sản của gia đình bị cáo làm cho bị cáo bị ức chế về tâm lý dẫn đến sự việc trên, được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo cần được xem xét khi quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo Điều T cho rằng bị cáo còn phải được hưởng thêm các điểm e “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” và điểm k “ phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;” quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị cáo và bị hại do có mâu thuẫn từ trước, bị cáo đã dùng ly ném vào bị hại, đâm vào mặt và dùng cùi trỏ đánh bị hại tại nhà bị cáo nhưng bị hại không đánh lại bị cáo. Mặt khác, bị cáo có thể chất và thể hình cao to hơn hẳn bị cáo, khi bị hại đến nhà bị cáo bị hại vẫn đứng ngoài cửa nhà bị cáo mặc dù có dùng hung khí chém vào cửa nhà bị cáo. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không được hưởng thêm tình các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e, k khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo về điều luật áp dụng và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt vị đại diện Viện kiểm sát đưa ra 08 đến 09 năm đối với bị cáo là có phần cao so với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

Về phía bị hại anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo Điều T bồi thường số tiền 69.600.000 đồng bao gồm tiền chi phí điều trị vết thương, thu nhập của bị hại và thu nhập của người chăm sóc cho bị hại bị mất trong thời gian điều trị vết thương, hiện bị hại mới nhận được 5.500.000đ tiền bồi thường từ chị Điều Thị Q là vợ của bị cáo Điều T, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 64.100.000

đồng. Bị cáo đồng ý với yêu cầu của bị hại nên hội đồng xét xử nghi nhận sự thỏa thuận trên.

Đối với bà Đỗ Thị T là mẹ của bị hại có thời gian phải chăm sóc bị hại nên phần yêu cầu của bà về mức thu nhập bị mất trong thời gian chăm sóc là có cơ sở. tuy nhiên số tiền này đã được thống kê cùng trong phần yêu cầu của bị hại. tại phiên tòa bà cũng không yêu cầu gì thêm và đồng ý gộp chung với yêu cầu của bị hại anh Nguyễn Văn T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Điều Thị Q là vợ của bị cáo đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại 5.500.000đ nhưng bà không có yêu cầu bị cáo phải thanh toán lại khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về vật chứng:

Đối với 01 con dao cạo mủ, cán bằng tre dài 132,5cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 40cm, phần đầu lưỡi có dạng L dài 4,5cm, xét đây là công cụ mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 Áo khoác Màu xám của bị hại Nguyễn Văn T dài 62cm, rộng 83cm, phía sau lưng áo có ghi chữ màu trắng, phần túi áo bên trái có vết rách thủng xuyên từ trước ra sau dài 10cm, trên áo có dính chất màu nâu đỏ đã khô, chất màu nâu đỏ tập trung ở túi áo bên trái, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Điều T phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”.

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Điều T 07(bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/8/2018

2. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của BLTTHS năm 2015;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao cạo mủ, cán bằng tre dài 132,5cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 40cm, phần đầu lưỡi có dạng L dài 4,5cm; 01 Áo khoác Màu xám của bị hại Nguyễn Văn T dài 62cm, rộng 83cm, phía sau lưng áo có ghi chữ màu trắng, phần túi áo bên trái có vết rách thủng xuyên từ trước ra sau dài 10cm, trên áo có dính chất màu nâu đỏ đã khô, chất màu nâu đỏ tập trung ở túi áo bên trái.

(Số vật chứng trên đã được giao nhận cho Chi cục thi hành án dân sự dân sự huyện B theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2018).

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự 2015

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 64.100.000 đồng tiền chi phí điều trị vết thương, thu nhập của bị hại và thu nhập của người chăm sóc cho bị hại bị mất trong thời gian điều trị vết thương.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền Bị cáo Điều T còn phải trả cho anh Nguyễn Văn T tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu: 3.205.000đ (ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng